TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày: 16/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Từ Xuân Tiếng.
2. Ông Đỗ Thanh Tuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2018/TLST-HS, ngày 30 tháng 01 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn Ph, sinh năm: 1969; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Ng (chết) và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Lê Thị Tr và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2005); tiền án: Không; tiền sự: Không, nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/10/2017, đến ngày 17/10/2017 chuyển tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn N, sinh năm: 1966.
Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Trần Thị Ngọc A sinh năm: 1979.
Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3. Võ Thị Th, sinh năm: 1960.
Nơi cư trú: Ấp N, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

4. Lê Thị Cầm, sinh năm: 1959.
Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

5. Trần Thị Trung Tâm, sinh năm: 1961.
Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.
(Ông Nu có mặt, bà A, bà Th, bà C, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 8 năm 2017, Phạm Văn Ph đi lên tỉnh Đồng Nai để thăm con gái của Pha là Phạm Thị Trúc Ng. Sáng ngày hôm sau, Ph đón xe về tỉnh Bến Tre, lúc này Nguyễn Hữu Đ (chồng Ng) cho Ph 02 cọc tiền giả (để trong túi xốp đen), mệnh giá các tờ tiền là 2.000 đồng, 5.000 đồng, tổng cộng khoảng 1.000.000 đồng. Đ hướng dẫn Ph lấy đất trét lên tờ tiền hoặc lấy tờ tiền để lên cái giữa, cái khoen kéo qua làm tờ tiền cũ cho dễ sử dụng, phân chia tiền thành từng xấp 10.000 đồng (02 tờ 5.000 đồng hoặc 05 tờ 2.000 đồng). Khoảng đầu tháng 9 năm 2017, Ph chạy xe môtô hiệu Honda Wave biển số 71H7-1167 đến quán cà phê Út Tâm, thuộc ấp A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre, dùng số tiền giả mệnh giá 5.000 đồng mà Đ cho mua 05 tờ vé số (50.000 đồng) của Lê Thị C, 08 tờ vé số (80.000 đồng) của Trần Thị Trung T.

Khoảng cuối tháng 9 năm 2017, Phạm Văn Ph tiếp tục đi lên tỉnh Đồng Nai để thăm Phạm Thị Trúc Ng. Ph ở chơi vài ngày. Sau đó, Ph đón xe về tỉnh Bến Tre, Nguyễn Hữu Đ đưa cho Pha 04 cọc tiền và nói cho Ph biết đây là tiền giả, mệnh giá các tờ tiền là 2.000 đồng, 5.000 đồng, tổng cộng khoảng 3.000.000 đồng. Đ hướng dẫn Ph ngoài cách làm cũ tiền giả và xấp tiền giả như lần trước, còn chỉ thêm phân chia tiền giả thành từng xấp 10.000 đồng (01 tờ 5.000 đồng, 02 tờ 2.000 đồng, 01 tờ 1.000 đồng). Tiền giả mà Đ đưa lần này không có mệnh giá 1.000 đồng, nên Ph xấp tiền giả thành từng xấp 10.000 đồng, bao gồm 01 tờ mệnh giá 5.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 2.000 đồng và 01 tờ mệnh giá 1.000 đồng là tiền thật của Ph. Khoảng 11 giờ ngày 08/10/2017, Ph chạy xe môtô hiệu Honda Wave biển số 71H7-1167 đến quán cà phê Út Tâm, thuộc ấp A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre, dùng tiền giả mệnh giá 5.000 đồng và 2.000 đồng, tiền thật mệnh giá 1.000 đồng mua 06 tờ vé số (60.000 đồng) của Nguyễn Văn N, 04 tờ vé số (40.000 đồng) của Trần Thị Ngọc A, 08 tờ vé số (80.000 đồng) của Võ Thị Th. Sau đó, ông N nghi tiền mà Ph trả để mua vé số là tiền giả, nên báo Công an xã Đ. Tại Công an xã Đ, Ph đã trả chị Thuỷ 80.000 đồng tiền thật.

- Tang vật tạm giữ từ Phạm Văn Ph:

+ 26 tờ vé số các loại;

+ 02 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng;

+ 11 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng;

+ 134 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng;

+ 08 tờ tiền (02 tờ mệnh giá 20.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 50.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 500.000 đồng);

+ Xe môtô hiệu Honda Wave, biển số 71H7-1167;

+ 02 điện thoại di động (01 hiệu SAMSUNG, 01 hiệu NOKIA);

+ 01 ví da màu nâu;

+ 01 nón bảo hiểm.

- Tang vật tạm giữ từ khám xét nhà của Phạm Văn Ph:

+ 53 tờ vé số các loại;

+ 46 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng;

+ 712 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng;

+ 527 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng;

+ 03 tờ tiền (01 tờ mệnh giá 10.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 20.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 50.000 đồng).

- Tang vật tạm giữ do những người bán vé số cho Phạm Văn Ph giao nộp:

+ Nguyễn Văn N nộp 24 tờ tiền (06 tờ mệnh giá 1.000 đồng, 12 tờ mệnh giá 2.000 đồng, 06 tờ mệnh giá 5.000 đồng);

+ Trần Thị Ngọc A nộp 10 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng;

+ Võ Thị Th nộp 31 tờ tiền (09 tờ mệnh giá 2.000 đồng, 12 tờ mệnh giá 5.000 đồng).

+ Lê Thị C nộp 06 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng;

+ Trần Thị Trung T nộp 06 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng.

- Tang vật tạm giữ do gia đình Phạm Văn Ph giao nộp:

+ 01 cái giũa bằng kim loại, màu đen, dài 33,5cm, rộng 3cm, 01 đầu nhọn;

+ 01 khoen dùng làm móc khoá cửa, bằng kim loại;

+ 06 mảnh giấy vụn giống loại tiền giấy có mệnh giá 5.000 đồng;

+ 01 mảnh giấy vụn giống loại tiền giấy có mệnh giá 2.000 đồng;

+ 01 túi xách da 02 quai, cũ.

- Tang vật tạm giữ từ khám xét chỗ ở của Nguyễn Hữu Đ:

+ 01 hộp mực in màu, đã qua sử dụng;

+ 04 hoá đơn giá trị gia tăng kiêm lệnh chuyển tiền.

Theo Bản kết luận giám định số 180/2017/GĐTL ngày 17/10/2017, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre (đối với số tiền thu từ Phạm Văn Pha và khám xét nhà Pha):

- 657 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng là tiền giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu, tương đương: 3.285.000 đồng;

- 04 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng là tiền thật, tương đương: 20.000 đồng;

- 715 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 2.000 đồng là tiền giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu, tương đương: 1.430.000 đồng;

- 08 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 2.000 đồng là tiền thật, tương đương: 16.000 đồng.

- 48 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng là tiền thật, tương đương: 48.000 đồng.

Tổng cộng: tiền giả là 4.715.000 đồng, tiền thật là 84.000 đồng.

Theo Bản kết luận giám định số 189/2017/GĐTL ngày 24/10/2017, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre (đối với số tiền do người bán vé số nộp):

- 29 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng là tiền giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu, tương đương: 145.000 đồng;

- 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng là tiền thật, tương đương: 5.000 đồng;

- 31 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 2.000 đồng là tiền giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu, tương đương: 62.000 đồng;

- 06 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng là tiền thật, tương đương: 6.000 đồng.

Tổng cộng: Tiền giả là 207.000 đồng, tiền thật là 11.000 đồng.

Theo Bản kết luận giám định số 200/2017/GĐTL ngày 13/11/2017, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre: 01 tờ mệnh giá 10.000 đồng, 03 tờ mệnh giá 20.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 50.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 500.000 đồng là tiền thật, tổng cộng: 1.570.000 đồng.

Tổng cộng: tiền giả là 4.922.000 đồng, tiền thật là 1.665.000 đồng.

Cơ quan điều tra trả lại cho Phạm Văn Ph số tiền thật 1.665.000 đồng, 02 điện thoại di động (01 hiệu SAMSUNG, 01 hiệu NOKIA) và 01 nón bảo hiểm.

Nguyễn Văn N, Trần Thị Ngọc A, Võ Thị Th, Lê Thị C, Trần Thị Trung T bán vé số cho Phạm Văn Ph khi nhận tiền từ Ph không biết tiền giả, nên có sử dụng hoặc thối lại cho khách một số tiền giả.

Về trách nhiệm dân sự: Phạm Văn Ph đã bồi thường cho Nguyễn Văn N số tiền 60.000 đồng và Lê Thị C số tiền 30.000 đồng tương ứng với số tiền giả mà Ph đã mua vé số, theo thoả thuận. Trần Thị Ngọc A, Trần Thị Trung T không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Qua kiểm tra kết quả xổ số đối với 79 tờ vé số các loại, không trúng bất kỳ giải nào.

Trong vụ án này, Nguyễn Hữu Đ có dấu hiệu liên quan đến hành vi "Lưu hành tiền giả" của Phạm Văn Ph, hiện Đức đã bỏ trốn chưa làm việc được. Cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm Nguyễn Hữu Đ để xử lý sau khi đủ điều kiện.

Trong quá trình điều tra, Phạm Văn Ph đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của Ph là phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 04/CT-VKSGT ngày 29/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Phạm Văn Ph về tội "Lưu

hành tiền giả" theo khoản 1 Điều 180 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm giữ quan điểm truy tố về tội danh, bị cáo phạm tội nhiều lần, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo được cải tạo, giáo dục. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo đã trả cho hai người bán vé số số tiền tương ứng với số tiền giả mà bị cáo đã mua vé số, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình của bị cáo có công với nước (cha là thương binh, hai bác là liệt sĩ, bà nội là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng). Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 180; Điều 33, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Phạm Văn Ph có mức án từ 03 năm đến 04 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Tịch thu sung quỹ: Xe môtô hiệu Honda Wave, biển số 71H7-1167;

Trả lại cho Phạm Văn Ph 01 ví da màu nâu;

Tịch thu, tiêu hủy: 686 tờ tiền giả mệnh giá 5.000 đồng; 746 tờ tiền giả mệnh giá 2.000 đồng; 79 tờ vé số các loại; 01 cái giũa bằng kim loại màu đen, dài 33,5cm, rộng 03cm, một đầu nhọn; 01 khoen dùng làm móc khóa cửa, bằng kim loại; 06 mảnh giấy vụn giống loại tiền giấy có mệnh giá 2.000 đồng; 01 túi xách da hai quai, cũ; 01 hộp mực in màu, đã qua sử dụng; 04 hóa đơn giá trị gia tăng kiêm lệnh chuyển tiền, không còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đề cập.

Tại phiên Tòa, bị cáo Phạm Văn Ph khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, bị cáo không tranh luận, không bào chữa gì mà tỏ ra ăn năn với lỗi lầm.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Giồng Trôm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu trên. Bị cáo nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ cơ sở xác định:

Khoảng đầu tháng 9/2017 và ngày 08/10/2017, Phạm Văn Ph có hành vi lưu hành tiền giả với tổng trị giá tương ứng 4.922.000 đồng tại ấp A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo Phạm Văn Ph là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Văn Ph phạm tội "Lưu hành tiền giả", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 180 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Chính bị cáo cũng thừa nhận hành vi của bị cáo đã phạm tội "Lưu hành tiền giả", mục đích là mua vé số cầu may do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất vì bị cáo là lao động chính trong gia đình.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, tuy bị cáo cho rằng việc bị cáo sử dụng tiền giả để mua vé số là để cầu may nhưng hành vi này đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tính chất, mức độ gây ra không những ảnh hưởng đến chính sách tiền tệ của Nhà nước ta mà còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Việc cách ly bị cáo Phạm Văn Ph ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này hiện nay. Tuy nhiên, lúc phạm tội, bị cáo là người không có tiền án, tiền sự, bị cáo được xem là có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã trả cho những người bán vé số số tiền tương ứng với số tiền giả mà bị cáo đã mua vé số, gia đình của bị cáo có công với nước (cha là thương binh, hai bác là liệt sĩ, bà nội là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng) nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo Phạm Văn Ph phạm tội nhiều lần nên có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 180 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng.". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát, quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Phạm Văn Ph đã bồi thường cho Nguyễn Văn N số tiền 60.000 đồng và Lê Thị C số tiền 30.000 đồng tương ứng với số tiền giả mà Pha đã mua vé số, theo thoả thuận. Trần Thị Ngọc A, Trần Thị Trung T không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

[6] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ: Xe môtô hiệu Honda Wave, biển số 71H7-1167 là phương tiện phạm tội;

Trả lại cho Phạm Văn Ph 01 ví da màu nâu;

Tịch thu, tiêu hủy: 686 tờ tiền giả mệnh giá 5.000 đồng; 746 tờ tiền giả mệnh giá 2.000 đồng; 79 tờ vé số các loại; 01 cái giũa bằng kim loại màu đen, dài 33,5cm, rộng 03cm, một đầu nhọn; 01 khoen dùng làm móc khóa cửa, bằng kim loại; 06 mảnh giấy vụn giống loại tiền giấy có mệnh giá 2.000 đồng; 01 túi xách da hai quai, cũ; 01 hộp mực in màu, đã qua sử dụng; 04 hóa đơn giá trị gia tăng kiêm lệnh chuyển tiền, không còn giá trị sử dụng.

[7] Về án phí:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Ph phạm tội "Lưu hành tiền giả".

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 180; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt: Phạm Văn Ph 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 08/10/2017.

[2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;

Tịch thu sung quỹ: Xe môtô hiệu Honda Wave, biển số 71H7-1167;

Trả lại cho Phạm Văn Pha01 ví da màu nâu;

Tịch thu, tiêu hủy: 686 tờ tiền giả mệnh giá 5.000 đồng; 746 tờ tiền giả mệnh giá 2.000 đồng; 79 tờ vé số các loại; 01 cái giũa bằng kim loại màu đen, dài 33,5cm, rộng 03cm, một đầu nhọn; 01 khoen dùng làm móc khóa cửa, bằng kim

loại; 06 mảnh giấy vụn giống loại tiền giấy có mệnh giá 2.000 đồng; 01 túi xách da hai quai, cũ; 01 hộp mực in màu, đã qua sử dụng; 04 hóa đơn giá trị gia tăng kiêm lệnh chuyển tiền, không còn giá trị sử dụng.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Văn Ph phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/3/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Thị Thu Trang

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CA huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.